

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Ông Lê Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 641/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2020/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1980 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư NTBD, tổ 19, khu phố 3, phường MP, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Phan Thanh S, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư Nam Thái Bình Dương, tổ 19, khu phố 3, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày:

Bà T và ông S tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PM, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 18/7/2011. Quá trình chung sống, vợ

chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn được. Ông S thường xuyên sử dụng rượu bia, đánh đập và tra tấn tinh thần đối với bà T. Bà T đã nhiều lần khuyên răn, tha thứ, nhưng ông S vẫn không sửa đổi. Ông S từng dùng cây đánh đến mức bà T phải nhập viện. Do các lần ông S có hành vi đánh bà đều vào lúc đêm khuya nên bà không trình báo chính quyền địa phương.

Vì tình cảm với ông S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T không thể tiếp tục chung sống với ông S được nữa, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà T có yêu cầu được nuôi cháu Phan Thanh S1, sinh ngày 09/8/2012. Bà yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn ông Phan Thanh S trình bày:

Ông S hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian chung sống, thời điểm đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng.

Ông thừa nhận có uống rượu. Mỗi lần uống rượu say thì bà T có can ngăn nên ông có đánh bà T, có lần ông dùng cây bà T phải đi nhập viện. Ông cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát, đánh đập nhau là thường tình, không đến mức phải ly hôn. Khi ông đánh đập vợ là do có sử dụng rượu nên không kiểm soát được bản thân, chứ không phải do ông cố ý. Ông không đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thanh S1, sinh ngày 09/8/2012. Hiện cháu đang sống chung với vợ chồng ông. Do ông không đồng ý ly hôn, nên ông cũng không có ý kiến gì về vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, đề nghị HĐXX căn

cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình tố tụng, ông S cũng thừa nhận các mâu thuẫn vợ chồng mà bà T trình bày là đúng. Do vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Phan Thanh S1, sinh ngày 09/8/2012 cho bà T nuôi dưỡng.

+ Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu S1 đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp về “ly hôn và nuôi con”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn đã có ý kiến trình bày đầy đủ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân, bà T và ông S tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Mỹ, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 18/7/2011 là hôn nhân hợp pháp.

Xét trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Thanh S đã thừa nhận thường xuyên say sỉ, có hành vi bạo hành, đánh đập đối với nguyên đơn bà Trương Thị T. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn với lý do ông vẫn còn tình cảm với bà T. Ông cho rằng các mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống là có nhưng chưa đến mức trầm trọng.

Phía nguyên đơn bà Trương Thị T xác định không còn tình cảm và không muốn hàn gắn với ông S. Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông S.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông S đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông S là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, nguyên đơn có yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Phan Thanh S1, sinh ngày 09/8/2012 và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Bị đơn không có ý kiến về vấn đề con chung và mức cấp dưỡng nuôi con. Xét bà T chứng minh được bà có công việc với mức thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Do vậy, cần giao cháu S1 cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên đương sự và đảm bảo sự phát triển tốt nhất của con chưa thành niên. Xét mức cấp dưỡng nuôi con mà bà T yêu cầu là 3.000.000 đồng/tháng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung, quá trình tố tụng các đương sự không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 51, 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị T với bị đơn ông Phan Thanh S về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trương Thị T được ly hôn với bị đơn ông Phan Thanh S.

- Về con chung: Giao cháu Phan Thanh S1, sinh ngày 09/8/2012 cho bà Trương Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phan Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông Phan Thanh S được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết

các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trương Thị T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai số 0047888 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn ông Phan Thanh S phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thắm

Lê Hữu Tấn

Vũ Phước Thành

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã PM, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Phước Thành